

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS -ST
Ngày 20 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hoàn.

Ông Nguyễn Mạnh Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLST - HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1974 tại Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 1, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công V và bà Nguyễn Thị H; có chồng và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 05/12/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xử phạt 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã chấp hành xong ngày 22/04/2015); danh chỉ bản số 037 lập ngày 08/01/2022 của Công an huyện Đan Phượng; tạm giữ ngày 19/12/2021, tạm tha ngày 27/12/2021; bị cáo có mặt.

2. **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972 tại Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 2, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như Đ và bà Nguyễn Thị G; có chồng và 02 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1995; tiền

án, tiền sự: không; danh chỉ bản số 004 lập ngày 28/12/2021 của Công an huyện Đan Phượng; tạm giữ ngày 19/12/2021, tạm tha ngày 27/12/2021; bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 31 phút, ngày 17/12/2021, Nguyễn Thị T dùng điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Joy 4 lắp sim số 0365.250.490 nhắn tin đến số thuê bao 0395.234.596 của Nguyễn Thị L mua các số lô, số đề với nội dung: “Đề a 11-22*100n, 99*50n; đề b 11-22*50n, 99*100n; đề B 3 số: 099*500n; lô ab 99x30đ; đề b đầu 9 đít 9 x10n”. Tổng số tiền T mua số lô, số đề của L là 2.415.000 đồng. L đồng ý và nhắn lại cho T là “OK”. Đến khoảng 20 giờ, ngày 18/12/2021 thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng phát hiện và thu giữ điện thoại của Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị L khai nhận: L bán cho T 01 điểm lô 2 số bằng 23.000 đồng (*Hai mươi ba nghìn đồng*), nếu trúng được 80.000 đồng (*Tám mươi nghìn đồng*); 100.000 đồng tiền đề nếu trúng được 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), nếu trượt T chỉ phải trả 90.000 đồng (*Chín mươi nghìn đồng*). Các số lô được so với kết quả 02 số cuối hoặc 02 số đầu của các giải của xổ số kiến thiết miền Bắc quay trực tiếp trên vô tuyến vào lúc 18 giờ 15 phút hàng ngày, nếu số lô đánh trùng với 2 số cuối hoặc 2 số đầu của các giải quay thì là trúng. Số đề thì chỉ so với giải đặt biệt của giải xổ số kiến thiết miền Bắc, nếu đề 3 số thì so 3 số đầu hoặc 3 số cuối, nếu đề 2 số thì so 2 số đầu hoặc 2 số cuối. Cụ thể: Ngày 17/12/2021 qua tin nhắn điện thoại, T đã mua số đề đầu 11-22 (mỗi số 100.000 đồng); số đề đầu 99 là 50.000 đồng; số đề cuối 11-22 (mỗi số 50.000 đồng); số đề đuôi 99 là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); số đề cuối 099 là 500.000 nghìn; số lô đầu 99, lô cuối 99 (mỗi số 30 điểm); 10 số đề cuối có số đầu là số 9 (mỗi số 10.000 đồng); 10 số đề cuối có đầu là số 9 (mỗi số 10.000 đồng). Tổng số tiền là 2.415.000 đồng. Đối chiếu với kết quả xổ số mở thưởng trong ngày 17/12/2021 T trúng lô A99 và lô B 99 mỗi số lô 30 điểm nên được L trả 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Do trước đây, T có vay của L tiền nên số tiền T trúng lô hai đối tượng đã thỏa thuận trừ vào số tiền T đã vay của L trước đó.

Bản cáo trạng số 19/CT- VKS.ĐP ngày 30/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T đủ yếu tố cấu thành tội phạm như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng

cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị xử lý vật chứng của vụ án và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Vụ án xảy ra trên địa phận xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, nên việc khởi tố, truy tố và xét xử được các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành, nội dung các quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 17 giờ 31 phút, ngày 17/12/2021 Nguyễn Thị L đã bán cho Nguyễn Thị T các số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại, cụ thể: Số đề đầu 11 - 22 (mỗi số 100.000 đồng); số đề đầu 99 là 50.000 đồng; số đề cuối 11 - 22 (mỗi số 50.000 đồng); số đề đuôi 99 là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); số đề cuối 099 là 500.000 nghìn; số lô đầu 99, lô cuối 99 (mỗi số 30 điểm); 10 số đề cuối có số đầu là số 9 (mỗi số 10.000 đồng); 10 số đề cuối có đầu là số 9 (mỗi số 10.000 đồng) với tổng số tiền là 2.415.000 đồng số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại. Đối chiếu các số lô, số đề đã đánh nêu trên với kết quả xổ số Miền Bắc cùng ngày thì Nguyễn Thị T đã trúng 4.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền L và T đánh số lô, số đề với nhau là 7.215.000 đồng (Bảy triệu hai trăm mười năm nghìn đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T đã phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Hai bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố các bị cáo về tội danh và viện dẫn điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng; gây bức xúc trong quần chúng nhân dân; làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương; dẫn đến phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Đánh giá hành vi, nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với Nguyễn Thị L bị cáo là người bán số lô, số đề cho bị cáo T, bị cáo tham gia đánh bạc với T. Hành vi của bị cáo tiếp tay cho việc đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề phát triển trong xã hội. Năm 2014 bị cáo đã từng bị xử lý về hành vi đánh bạc,

nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà tiếp tục đánh bạc. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục và cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo văn hóa thấp nên có phần hạn chế về nhận thức pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng của bị cáo bị bệnh tật (mù), thời gian đã được xóa án tích đã lâu, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Xét bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, nên cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và dăn đe người khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T là người mua các số lô, số đề của bị cáo L, trực tiếp tham gia đánh bạc với bị cáo L. Hành vi đánh bạc của bị cáo ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 của Bộ luật hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm cho bị cáo một phần về hình phạt. Xét bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Bị cáo được trừ thời gian bị tạm giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo làm nghề tự do không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng, nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Quá trình điều tra T và L đều khai nhận trước đây đã đánh bạc với nhau bằng hình thức mua bán số lô, số đề. Tuy nhiên, cả 2 đều không nhớ ngày cụ thể là ngày nào, số lượng tiền là bao nhiêu nên không có căn cứ để xử lý.

[5]. Về áp dụng hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ Cơ quan công an huyện Đan Phượng chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/4/2022) gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart Joy 4 đã qua sử dụng, màu đen, số imei: 351088464973031, số imei 2 351088464973049, lắp sim số 0365250490 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung SM - G610L, số seri R59J20EPW2, số Imei: 354157081711228, lắp sim thuê bao số 0395234596 đã qua sử dụng, xét đây là các phương tiện hai bị cáo sử dụng cho việc đánh bạc, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Số tiền 2.415.000 đồng bị cáo T sử dụng để đánh bạc và số tiền 4.800.000 đồng bị cáo T trúng lô, đề. Số tiền trên giữa 2 bị cáo chưa thanh toán cho nhau, nên truy thu, buộc hai bị cáo phải nộp số tiền trên để sung ngân sách Nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L **12** (mười hai) tháng tù về tội Đánh bạc, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho UBND xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T **12** (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội đánh bạc (bị cáo được trừ 09 ngày bị tạm giữ x 3 = 27 ngày) còn phải chấp hành **11** (mười một) tháng **03** (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã Liên T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

3. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart Joy 4 đã qua sử dụng, màu đen, số imei1: 351088464973031, số imei 2 351088464973049, lắp sim số 0365250490 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung SM - G610L, số seri R59J20EPW2, số Imei: 354157081711228, lắp sim thuê bao số 0395234596 đã qua sử dụng.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 4.800.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 2.415.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm mười lăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Ph- ợng;
- Công an huyện Đan Ph- ợng;
- THADS huyện Đan Ph- ợng;
- Các bị cáo;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy H- ng